

NỮ PHỤC DAO TIỀN Ở CAO BẰNG

LÝ HÀNH SƠN
HOÀNG MINH LỢI

Với số dân hơn 10.000 người cư trú rải rác ở các tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phú, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Thái... người Dao Tiên còn có nhiều tên gọi khác nhau: Dao Đeo Tiên, Tiểu Bản, Dù Ton..., nhưng họ tự gọi là Kiềm Miên (người ở rừng). Dao Tiên là tên gọi gắn liền với đặc điểm trên nữ phục: ở cổ áo (phía sau gáy) có đính mấy đồng tiền. Là một nhóm trong dân tộc Dao, người Dao Tiên có nền văn hóa truyền thống của cộng đồng và chịu ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc khác. Tuy vậy, họ vẫn giữ được những bản sắc văn hóa của mình và một phần những bản sắc riêng đó được thể hiện qua nữ phục truyền thống.

I. Quá trình sản xuất ra vải mặc

Người Dao Tiên có truyền thống trồng bông, se sợi, dệt vải (*đát đia*), thêu thùa (*thống lui*) và may khâu thành y phục. Đó là những công việc của mỗi gia đình được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tự cấp tự túc.

Bông (*púi*) là nguyên liệu để sản xuất ra vải mặc. Khi kinh tế hàng hóa chưa phát triển thì hầu hết các gia đình Dao Tiên đều trồng bông dệt vải. Bông được trồng vào tháng 4 đến tháng 6 (âm lịch) hàng năm. Bông trồng trên nương theo phương pháp vãi hạt, kết hợp với việc làm cỏ, nới đất, lấp hạt. Bông được gieo trồng vào những ngày nắng và phải kiêng không trùng với ngày có người thân trong nhà đã qua đời. Quá trình từ phát nương, gieo hạt đến khi thu hoạch đều do nữ giới đảm nhiệm. Nhưng thỉnh thoảng cũng có sự tham gia của nam giới. Trong những thời điểm cấp bách, cần thu hoạch nhanh gọn, họ còn sử dụng lao động trẻ em.

Do ít dùng vải màu nên người Dao Tiên chỉ trồng bông trắng bởi họ cho rằng vải trắng thuận lợi cho việc nhuộm chàm, thêu hoa văn trang trí.

Quá trình sản xuất ra vải mặc từ bông rất phức tạp, trải qua nhiều khâu việc, đòi hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm. Bông thu hoạch về đem phơi khô, loại bỏ rác rưởi, múi lép. Sau đó dùng máy cán bông (*pui ngat*) quay tay hoặc đập chân lược bỏ bớt hạt rồi đem bạt cho bông tơ xốp mới dùng que lăn thành thỏi bằng ngón tay cái, dài 25-30cm. Người Dao Tiên se sợi bằng dụng cụ tự tạo gọi là "*thia pui*" xe sợi là công đoạn khó, chiếm nhiều thời gian và đòi hỏi, sự kiên trì, khéo léo. Trước khi mắc vào khung cửi, sợi được luộc qua nước sôi, gặt sạch rồi đem hồ với nước cháo ngô, sau đó phơi khô nhằm mục đích làm cho sợi bông săn lại sẽ bền hơn. Người Dao Tiên thường mắc sợi lên khung cửi vào mùa thu và phải dệt xong trước khi sang năm mới. Ngày mắc sợi vào khung cửi phải là ngày tốt và cần được người có kinh nghiệm giúp đỡ. Họ chỉ sử dụng loại khung cửi thô sơ tạo từ gỗ và tre, dệt ra vải khổ 35-40cm. Các bộ phận chính của khung dệt gồm: trục cuốn sợi, go dệt, trục cuốn vải, 3 cần nâng go và bàn đập. Khi mắc sợi, họ dựng khung (rộng khoảng 0,7m dài hơn 1,6 m và cao gần 1,5m) dệt xong lại tháo ra bỏ gọn để một chỗ. Khung dệt được đặt ở sát vách nơi có ánh sáng.

Vải dệt được tính bằng sải tay và chia làm nhiều phần: để in váy, khâu áo phụ nữ, may y phục cho nam giới và trẻ em. Vải may áo cho trẻ em được nhuộm chàm. Riêng phần váy thì để trắng vì chưa tạo hoa văn.

Ngoài chỉ thêu, vải chỉ có 2 màu; trắng và chàm. Mâu chàm là chính nên việc trồng chàm để nhuộm được tiến hành hàng năm trong mỗi gia đình. Đây gần như là việc bắt buộc vì cao chàm không dễ được lâu trong khi đó sợi có thể mua được trên thị trường.

Chàm (*gàm*) được gieo trồng trên nương rẫy hay bãi ven sông suối khoảng tháng 4, thu hoạch cuối tháng 6, tháng 7 (âm lịch)

hàng năm. Khi chàm cao 1m - 1,20m là thu hoạch được. Thân và lá chàm được ngâm nước lã trong chảo hay vại lớn. Khi nước ngả màu đen thì vớt hết bã cho vôi theo tỷ lệ 10-15 nắm chàm 1 gáo vôi (khoảng 1 kg) rồi dùng gáo múc lên đổ xuống khoảng 15-20 phút đến khi thấy bột nhỏ, ít, tan nhanh là được. Các khâu trên từ vớt bã, cho vôi, khuấy nước chàm gọi là "ta găm". Cao chàm (*tin*) là phần lắng xuống sau ít ngày "tà găm".

Việc tạo ra cao chàm tuy mất nhiều thời gian nhưng đơn giản hơn so với việc chế biến nước nhuộm. Muốn chế nước nhuộm phải có đủ nguyên liệu như: cao chàm, nước tro, vôi, dấm rượy (tui chằm) và rễ của cây được họ gọi là "chiêm hoa dùng"... Việc pha chế phải theo đúng 1 tỷ lệ nhất định nếu không sẽ cho một màu khác. Chỉ có màu xanh chàm hơi tím (*manh găm cổ*) mới được coi là màu chuẩn, còn các màu khác đều bị xem là không tốt, không đẹp. Bởi vậy, qua vải nhuộm hay màu áo mới có thể đánh giá được kinh nghiệm và sự khéo léo của nữ giới.

Vải đem nhuộm cần ngâm nước đun sôi với lá ổi khoảng 1 giờ, sau đó giặt, phơi khô rồi mới cho vào nước nhuộm trước khi thả vải cần dùng tay khuấy trên mặt nước nhuộm khoảng vài phút để hòa nước và thử màu. Động tác này gọi là "Trjám găm". Khi "Trjám găm" nếu thấy có màu chàm ở tay và nước nhuộm có màu nâu là tốt. Trường hợp thấy màu ở tay và nước nhuộm khác thường thì cần pha thêm những nguyên liệu như đã nói ở trên, nếu màu vẫn không như ý thì phải pha lại nước nhuộm.

Vải ngâm trong nước nhuộm khoảng 30-50 phút thì vớt ra phơi khô, giặt sạch. Nếu chưa có kinh nghiệm thì thả vải vào nước nhuộm rồi đốt nén hương cho đến khi cháy gần hết thì vớt vải ra. Quá trình nhuộm cứ tuần tự như trên khoảng 5-6 lần là được màu vải như ý. Theo kinh nghiệm của họ thì khi nhuộm vải phải làm liên tay cho xong. Ngâm vải buổi sáng, vớt phơi khô để sáng hôm sau nhuộm tiếp. Vì vậy họ thường nhuộm vải vào mùa thu và đầu mùa hè. Phụ nữ có thai không được tham gia vào các việc này, còn với người đỡ đẻ cho gia súc cũng phải kiêng 7 ngày không được nhuộm vải. Đối với người Dao Tiên thì ở nữ giới người nào có đôi tay xanh

chàm sẽ được đánh giá là người chịu khó trong việc làm chàm, nhuộm vải và phần nào trong kỹ thuật thêu, dệt, vá may.

II. Nữ phục truyền thống

1. Váy (miền xia chùn)

Theo truyền thống nữ giới Dao Tiên mặc váy chàm in hoa văn xanh lơ và đỏ chính là điểm khác nhau về y phục của họ với nữ giới các nhóm Dao khác. Váy được may hở, không khép mí gồm 6 khổ vải, mỗi khổ dài 60cm rộng 30-35 cm. Vòng cạp rộng vừa eo người sử dụng, hai đầu có dây để khi mặc thì buộc về phía sau. Váy chỉ có một loại nên không phân biệt ngày thường hay ngày lễ tết, hội hè. Có khác chăng chỉ là váy mới hay cũ mà thôi. Hoa văn trên váy chủ yếu là các môtip sau: các vòng tròn với 4 gạch chéo qua tâm (gọi là *Chùm thỏ*); những đường song song (*chùm hèn*); những tam giác cân có đáy là *chùm hèn* (gọi là *chùn trá*); đường gấp khúc to (*chùn ó*), đường gấp khúc nhỏ (*chùm cao*).

Váy chỉ có hai màu: xanh chàm là màu vải nhuộm và xanh lơ là màu của các hoa văn. Để có được hoa văn xanh lơ, nữ giới Dao Tiên phải tốn nhiều công sức, thời gian để in váy (*tin chùm*), nhuộm và tẩy phụ liệu in. Thời gian thực hiện các khâu trên đến khi hoàn thành 1 chiếc váy thường là vài tháng có khi hàng năm.

Nữ giới in hoa văn trên nền vải trắng bằng sáp ong nấu chảy. Do sáp ong hiếm nên có nơi đã sử dụng nến, song kết quả không thể bằng sáp ong.

Dụng cụ in được làm từ tre (hoặc trúc, vầu nhỏ) gồm có:

- Vè là hình tam giác cân đáy vót nhỏ để in và môtip *chùn hèn*, *chùn ó*, *chùn tía*, *chùn cao*

- *Chùn thóp* là 2 ống tre lồng vào nhau đường kính hơn kém 2cm với khoảng cách giữa 2 ống là 0,5mm để in môtip *chùn thóp*

- *Phung ráo nôm* là cây bông lau để phụ giúp in các môtip *chùn trá*, *chùn ó*

Trước khi đem in, vải phải được đánh bóng (*mỏ hỏa*) bằng phiến đá đen (kích thước dài 30-40cm) gọi là *mỏ chùn* và răng nanh lợn rừng (*tung nhà*) cùng với hòn cuội để miết.

Các môtip được in theo trình tự là “chùn hêng, chùn trà, chùn ó, chùn cao và chùn thốp. Trình tự in này nhằm tạo ra sự đối xứng giữa hai chùn hêng và 2 chum ó qua tâm là chùn cao. Trong khi in không được làm gãy sấp đã in. Thời gian in một chiếc váy (gần 6 tấm) khoảng 8 ngày, còn với người in chậm có thể đến 15 ngày.

Trước khi đen nhuộm chàm, vải đã in sáp ong cần được tẩy nước bằng cách dùng khăn mặt nhúng vào nước đun sôi với lá ổi để nhuộm sau đó đập nhẹ nhiều lần vào các tấm vải đã in sáp để ngấm nước lá ổi. Sau khi phơi khô, vải mới được nhuộm chàm. Khi nhuộm, không được gập, uốn vải để có thể làm gãy sấp in. Nhuộm xong lược qua nước sôi, sau đó giặt và phơi khô sẽ được các tấm vải xanh chàm có hoa văn xanh lơ. Công việc cuối cùng là ghép các tấm vải rời viền gấu bằng 2 lớp vải trắng, đen.

2. Áo (Miền xía lui)

Nữ giới Dao Tiền mặc áo chàm dài ngang ống chân. Tùy theo từng địa phương như Tuyên Quang, Phú Thọ nữ giới mặc áo, váy khá ngắn, trái lại ở Cao Bằng, Bắc Thái áo váy được cắt dài hơn.

Sở với áo của người Dao Đỏ thì nẹp ngực của nữ giới Dao Tiền nhỏ hơn, được thêu chỉ đỏ gọi là “*lui lảnh*”. Cổ áo liền với nẹp ngực và phía sau gáy có đính 7 đồng tiền gọi là “*lui trin*”. Áo được thêu nhiều ở vạt trước (*lui muồi*), và 2 bả vai (*i mánh pu tào*). Khi mặc áo họ bắt chéo 2 thân trước lên nhau rồi buộc dây lưng ra ngoài. Ngoài áo thường ngày nữ giới Dao Tiền còn mặc áo đỏ trong một vài trường hợp đặc biệt như: ma chay, lễ cấp sắc cho người hành nghề cúng bái⁽¹⁾. Người mặc áo này để hát trong lễ cấp sắc phải là gái chưa lập gia đình. Áo này thêu nhiều ở dọc lưng, giữa 2 bả vai với các môtip khác với áo mặc thường ngày. Điểm giống nhau là loại áo nào cũng đính cúc bạc được chạm trổ tinh xảo thường là hình tròn (đôi khi hình bán nguyệt) với trung tâm là ngôi sao 8 cánh.

Có thể nói việc tạo váy đã công phu nhưng thêu áo lại vất vả hơn nhiều vì đòi hỏi sự kiên trì khéo tay... Vải thêu áo phải là vải chàm tự dệt (*đia thau*), các loại vải bán trên thị trường đều không phù hợp. Đặc biệt vải thêu

áo của nữ giới Dao Tiền là màu chàm xanh, không dệt chéo... Điều này ảnh hưởng lớn đến việc thêu in pha màu thích hợp giữa chỉ và nền vải áo. Bởi lẽ họ không thêu theo mẫu vẽ sẵn mà chỉ dựa vào trí nhớ, kinh nghiệm. Hình thêu cân đối, màu sắc hài hòa đã là việc khó, nhưng cách thêu lại càng khó vì thêu ở mặt trái của vải để cho hoa văn nổi lên ở mặt phải. Chính vì thế, các em gái mới 8-9 tuổi đã phải bắt đầu học thêu, dệt và tạo chàm.

Để hoàn chỉnh chiếc áo, họ phải thêu từng mảnh sau đó khâu ghép lại. Những mảnh vải nhỏ này gọi là “*đia ton*”, gồm có: 2- Thân trước, 2 mảnh của thân sau, 4 mảnh của 2 ống tay và 2 nẹp ngực. Các loại tết hoa văn được thêu tập trung ở các “*đia ton*”, ở 2 vạt trước đều được thêu các diềm (*gểu*) xanh, đỏ, vàng, phía trong thêu cách điệu hình con chó nhỏ gọi là “*cô ton*”. Giữa thân áo có thêu nhiều *ton* xếp vào nhau gọi là “*tôm cô*” hay “*tôm tuc*” nghĩa là “con chó lớn”. Trên bả vai thêu môtip hình đồng tiền gọi là “*chai đát*” và “*thông trin*”. Sau gáy nơi đính 7 đồng tiền có thêu “*chai đát*”, “*ta ngao*” và lớp vải đệm đính 7 đồng tiền gọi là “*thông trin tăn*”.

Công việc thêu thùa tuy công phu nhưng chỉ thực hiện được trong thời gian rảnh rỗi như: khi chăn trâu, nghỉ trên nương, trước giờ đi ngủ... Vì vậy thời gian thêu xong 1 áo ít nhất cũng gần 1 năm, nếu tính cả các khâu trồng bông, dệt vải, nhuộm chàm cũng phải mất 2 năm. Tuy mất nhiều thời gian, công sức như vậy song có không ít những cô gái khi đến tuổi lập gia đình đã có trong tay từ 4-5 bộ váy áo mới tự mình làm ra.

3. Thất lưng (*lung sin*) và yếm (*nhà mán*)

Thất lưng là bộ phận không thể thiếu được trong y phục của nữ giới Dao Tiền bởi nó giữ cho 2 vạt áo trước chông lên nhau. Mặt khác, thất lưng còn góp phần tạo sự cân đối về màu sắc giữa khăn và váy tức là tạo thành màu trắng hài hòa giữa khăn và váy. Thất lưng khổ rộng khoảng 3cm, dài 2 sải tay sao cho thất được 3 vòng qua eo còn để mỗi đầu một đoạn khoảng 20 cm sau khi thất. Thất lưng tự dệt bằng sợi màu đen, vàng, xanh, trắng

(1) Cấp sắc là lễ đặt tên ma - tên mặt (*phát búa*) và thăng cấp bậc thầy cúng cho những người hành nghề cúng bái.

trong đó trắng là màu chủ yếu. Chỉ màu tập trung ở 2 bên mép chiều dài và ở giữa, còn lại là màu trắng pha chút ít màu xanh và nâu nhạt. Trên nền trắng nổi lên 3 đường màu xanh đen: một đường qua chính giữa, 2 đường ở 2 bên mép. Đường qua giữa chủ yếu là màu đen trên đó nổi lên những nốt chấm trắng hình thoi gọi là hoa thất lưng (*lung sin pjàng*).

Yếm của nữ giới Dao Tiên là một vuông vải màu trắng với một cạnh khâu làm cổ. Cổ yếm là một miếng vải hình tam giác cân đỉnh có khuyết để móc vào vòng cổ. Yếm có dây luồn ngang nách, buộc ở sau lưng mỗi khi mặc. Cổ yếm thêu môtip chủ yếu là *gấu*.

Hiện nay nhiều phụ nữ Dao Tiên đã bỏ yếm để mặc áo lót (lui lót) để khi nóng có thể cởi bớt áo dài. Áo lót thường không chọn màu, chỉ cần vải mỏng và may cắt theo kiểu áo ngắn của nữ giới dân tộc Kinh với cổ thấp, 2 thân trước có may túi nhỏ.

4. Khăn (Khăn)

Nữ giới Dao Tiên dùng 2 loại khăn là: khăn đội đầu (*khăn đong*) và khăn mặt thêu (*xi miên thống*). Phụ nữ thường xuyên đội khăn kể cả khi ngủ, đêm bị tuột thì sáng phải đội lại ngay. Họ kiêng để đầu trần nên mỗi người thường có ít nhất từ 2-3 khăn để thay. Ngoài ra, còn có một số khăn mới dùng trong các dịp lễ hội, cưới xin v.v...

Khăn đội đầu chỉ thêu 2 đầu bằng chỉ màu. Mỗi đầu khăn cách mép khoảng 2 cm có thêu một hình vuông, mỗi cạnh khoảng 20cm trong có nhiều môtip hoa văn thêu chỉ màu. Các môtip theo cách gọi của họ thì lớp trong cùng là khăn pjàng (*hoa khăn*) tiếp theo là các lớp *ta ngao* và *gấu*, lớp ngoài cùng gồm những nùm hình lá, hoa cúc không có cuống gọi là *thông nhài*. Các môtip này thêu bằng nhiều loại chỉ khác nhau nhưng chủ yếu là đen, vàng, xanh, đỏ.

Ở nhóm Dao Tiên khăn đội đầu mang tính địa phương. Một số nơi thuộc tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phú nữ giới đội khăn đen còn nơi khác lại đội khăn trắng. Vì sao có hiện tượng như vậy? Họ lý giải như sau: Xưa kia ở bên Trung Quốc họ đều đội khăn đen nhưng do quá trình di cư theo các thời kỳ khác nhau nên khăn đội đầu có màu khác nhau. Theo họ thì số đội khăn đen đến Việt Nam khi Bàn Vương(1)

còn sống, số đội khăn trắng là nhánh Dao Tiên vào Việt Nam đúng khi Bàn Vương mất nên phải để tang(2).

Khăn thêu được sử dụng trong khi đi làm nương rẫy, chủ yếu để quàng cổ, chụm tai trong nhà lạnh hoặc lau mồ hôi về mùa hè. So với khăn đội đầu thì "xi miên thống" được thêu cầu kỳ hơn. Từ vải trắng khổ 20-25cm dài khoảng 1,5m, thêu xong giống như khăn hoa được tạo bởi các môtip khác nhau: hình răng cưa, sao 8 cánh, hình người, hình cánh gà... Môtip nổi nhất ở giữa khăn là "*co pinh*" và "*tôm điền tuôi*". "Co pinh" là một hình vuông được trang trí bằng các loại chỉ màu đỏ, vàng, đen. Hình sao 8 cánh vây quanh "*co pinh*" được gọi là "*tôm điền tuôi*" có nghĩa là đuôi hổ. Các môtip xếp thành 4 hình vuông vây quanh "*Tôm điền tuôi*" gọi là các "*chai đát*" có nghĩa là cánh gà. Các môtip khác kể từ môtip trên về phía 2 đầu khăn được trang trí thành băng song song theo chiều dọc của khăn và trùng lên nhau khi gấp 2 đầu lại tính từ trong ra đầu khăn theo cách gọi của họ thì các hàng hoa văn đó là: *miền ton* (hình người), các hàng *yểu* (theo kiểu trái đều chỉ), *xôm*, các hàng *gấu* sau đó quay lại theo thứ tự: *miền ton*, *xôm* và cuối cùng là *gấu*. Xen kẽ giữa *miền ton* và *xôm* và *chai đát*. Đỏ, đen, vàng, xanh là các màu chủ yếu để tạo nên các hoa văn kể trên.

5. Xà cạp (*lung peng*)

Xà cạp thường dùng vào mùa đông và các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin... trong mùa thu và mùa xuân. Mỗi người thường có từ 2-4 đôi. Xà cạp làm từ vải trắng khổ khoảng 20cm, dài hơn 50cm và được thêu rất công phu. Do việc thêu mất nhiều thời gian, sức lực nên hiện nay, nhiều người già và một số ít trong giới trẻ ở các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Thái chỉ dùng xà cạp trắng.

Xà cạp theo truyền thống thêu nhiều hoa văn bằng chỉ đỏ, đen, trắng trong đó chỉ đen là chính. Chỉ để thêu xà cạp phải được gấp vài lần sao cho lớn hơn chỉ thêu áo từ 3-4 lần. Khi hoàn thiện, mỗi mảnh xà cạp dày

(1) Theo truyền thuyết thì Bàn Vương là ông tổ của người Dao.

(2) Theo lời kể của bà Bàn Thị Pô, ở Bàn Trang xã Thành Công huyện Nguyên Bình Cao Bằng.

gấp 3 lần vải ban đầu. Điều đó cho cảm giác xà cạp như được tạo bởi chỉ màu và các môtip hoa văn.

Các hoa văn trên xà cạp chủ yếu là đường gấp khúc, đường gạch theo nhiều kiểu song song với chiều dài xà cạp. Và theo cách gọi của họ gồm các hoa văn như:

- *Thông dung nhời* là hình giun cái - đường gấp khúc với hai bên đường kẻ ngang.
- *Eo thun* là đường gấp khúc
- *Thông xuống* là những đường thêu to, thẳng và đen đậm nhất trong các đường thêu.
- *Cao khe* là đường thêu đen nhạt

Ngoài ra còn có các hoa văn hình chim và *ta ngao* như đã nói ở phần khác.

III. Đồ trang sức và một số hoa văn

1. Đồ trang sức (nhòan Trjong)

Nữ giới Dao Tiên sử dụng nhiều đồ trang sức bằng bạc vì đó là một tiêu chuẩn đánh giá vẻ đẹp của nữ giới Dao Tiên cùng với y phục truyền thống. Người Dao Tiên có câu: "*Trjong xia bi Trjong tháo pẹ*" tạm dịch là làm đẹp trang phục cho con gái thì phải làm đẹp cho trắng. Trắng ở đây là nói về đồ trang sức bằng bạc.

Bộ trang sức của họ gồm có:

- Vòng cổ (*cung vắn*) gồm 7-8 chiếc nhưng thường là 7 chiếc, trong đó có 4 chiếc nhỏ, 3 chiếc to sao cho khi đeo thì phần cổ cái nọ chồng lên cái kia, còn phía trước ngực lại trải đều so le.
- Vòng tay (*chiêm*) gồm 2-6 chiếc.
- Cúc bạc (*lui cạp*) từ 16-20 chiếc.
- Một que bạc (chъây) có chạm trổ dùng để gãi đầu, lưng.
- Một bộ dây (*ky*) từ 4-6 chiếc rộng 1,5cm, dài từ gáy đến eo. Trong mỗi dây (theo chiều dài) được gắn từ 10-15 cánh hoa bạc, gần eo gắn 2 chuông bạc nhỏ (bằng ngón tay cái).
- Một chùm nhẫn (*Pu danh*) gần 50 chiếc.
- 2 vòng tai (*mờ nôm chột*) xung quanh viền các lớp giấy mầu kế tiếp nhau, trông rất đẹp.
- 2-4 bộ đồng tiền đúc (*lui tiên*), mỗi bộ gồm 7 chiếc để đính ở cổ áo phía sau gáy.

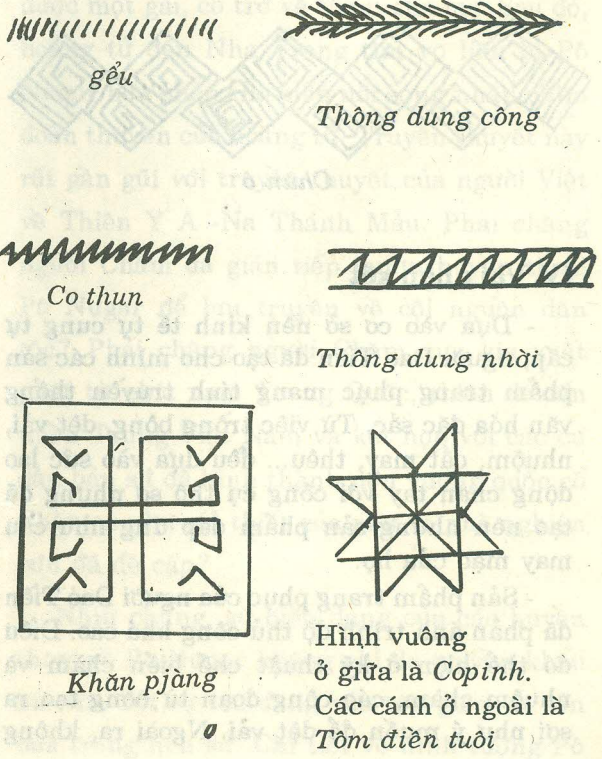
- Một bộ gọi là *Xim nhà pjà* gồm nhiều tấm bạc, chuông nhạc nhỏ, nhíp, dao con, cà con, dây chuyền...

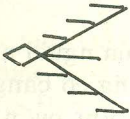
Trong bộ trang sức của người nữ giới Dao Tiên không thể thiếu vòng cổ bằng hạt cườm màu (*mè*). dài 40-50cm khi cuốn quanh cổ được 7-9 vòng. Cũng không kém phần quan trọng là túi đựng trà (*nom túi*) vì ngoài tác dụng đựng trà, "*nom túi?*" còn là đồ trang sức đặc biệt mà nữ giới Dao Tiên phải có. Túi đựng trà gồm 2 lớp: lớp trong là bìa cứng, lớp ngoài là vải đen. Hai miệng túi trang trí chỉ màu với 2 góc có đính những tua chỉ màu rất đẹp. Đáy túi gắn những cánh hoa bạc khoảng 30 chiếc; hai góc miệng túi còn buộc thêm nhiều dây chuyền có gắn "*Pu danh*"

Đồ trang sức của nữ giới chiếm một trọng lượng đáng kể. Trong các dịp lễ tết, hội hè, cưới xin... nếu mang trọn bộ trang sức thì mỗi người phải đeo trên mình từ 3-4 kg bạc.

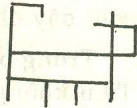
2. Một số môtip hoa văn

Ở đây, chúng tôi chỉ giới thiệu một số môtip cơ bản cùng với cách gọi phiên âm từ tiếng Dao Tiên.

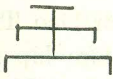




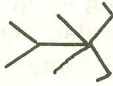
Chai đất



Cò ton



Miền ton



Xòm

Các hoa văn trên váy:



Chùn thốp



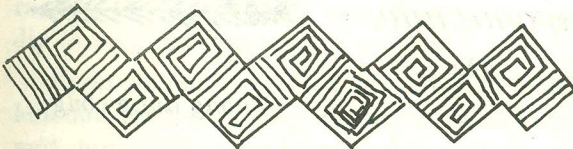
Chùn hènng



Chùn trá



chùn cao



Chùn ó

IV. Vải nhận xét

- Dựa vào cơ sở nền kinh tế tự cung tự cấp, người Dao Tiên đã tạo cho mình các sản phẩm trang phục mang tính truyền thống văn hóa đặc sắc. Từ việc trồng bông, dệt vải, nhuộm, cắt may, thêu... đều dựa vào sức lao động chân tay với công cụ thô sơ nhưng đã tạo nên những sản phẩm đáp ứng nhu cầu may mặc của họ.

- Sản phẩm trang phục của người Dao Tiên đã phản ánh trình độ thủ công khá cao. Điều đó thể hiện ở kỹ thuật chế biến chàm và nhuộm chàm, các công đoạn từ bông tạo ra sợi như ý muốn để dệt vải. Ngoài ra, không

thể không nói đến kỹ thuật thêu và in sáp ong để tạo hoa văn trên váy của họ bởi những công việc này đòi hỏi sự công phu, tỉ mỉ, khéo tay cho thấy không phải ai cũng có thể làm được. Do đó yếu tố kế thừa kinh nghiệm và tự học hỏi là điều kiện quan trọng nhất ngay từ thời trẻ của nữ giới.

- Môtíp hoa văn trên y phục của nữ giới thực sự phong phú và đa dạng chứng tỏ đó là kết quả của một quá trình lao động sáng tạo từ lâu đời với tính kế thừa, đã trở thành truyền thống của dân tộc. Qua đó nó cũng khẳng định những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Dao nói chung và nhóm Dao Tiên nói riêng.

- Bên cạnh môtíp hoa văn trên y phục thì đồ trang sức của họ cũng khẳng định thêm một lần nữa về tính dân tộc đặc sắc và đa dạng trong văn hóa truyền thống. Thông qua đồ trang sức của nữ giới, có thể thấy rõ hơn tính tự cấp tự túc trong nền kinh tế của họ. Chế tác đồ trang sức là một nghề đòi hỏi kỹ thuật tinh vi không phải ai cũng làm được. Cho nên số người trong cộng đồng biết làm đồ trang sức không phải là nhiều. Mặt khác, mục đích chính của họ không phải là tạo ra nhiều sản phẩm để buôn bán trao đổi trên thị trường vì dù sao đây cũng chỉ là nghề phụ của họ mà thôi. Bên cạnh đó, bạc là nguyên liệu chủ yếu tạo ra các đồ trang sức lại ngày càng hiếm nên yếu tố kế thừa đồ trang sức quá các thế hệ trong gia đình, dòng họ là vô cùng quan trọng. Tất cả những điều đó cho thấy các sản phẩm của y phục, trang sức chưa thực sự trở thành hàng hóa trong đời sống xã hội.

- Quá trình sống cộng cư và giao lưu văn hóa với các dân tộc khác cho thấy việc tiếp thu những ảnh hưởng văn hóa của các tộc người khác là đương nhiên. Mặc dù vậy, trang phục của nữ giới Dao Tiên vẫn có bản sắc riêng, phân biệt với trang phục của các nhóm Dao khác, các dân tộc khác. Điều này được thể hiện ở cách tạo hình trang phục, kỹ thuật cắt may, kiểu cách, màu sắc và hoa văn trang trí trên trang phục. Có thể thấy cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, mối quan hệ của người Dao Tiên với các tộc người khác ngày càng mở rộng thì trang phục của họ cũng đã và đang thay đổi.